

Số: 58/BC-THPD

Bảo Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Phù Đồng

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình - Xã Bảo Hòa - huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0978 460 698

Email: thphudong@xuanloc.edu.vn

Website: <https://thphudongxl.edu.vn>

2. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Xuân Lộc

3. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Phù Đồng được thành lập từ năm 1993 theo Quyết định số 34/QĐ.TC của Sở GD&ĐT Đồng Nai, được tách ra từ trường PTCS Xuân Định 2. Khi đó trường có 3 phân hiệu (Vườn Xoài, Bưng Càn, Bảo Liệt). Cơ sở vật chất ở các phân hiệu vô cùng nghèo nàn; chỉ có vài phòng học tạm bợ. Trường chính có 20 phòng học tạm làm bằng vách ván, phải học 3 ca, ngoài ra không có trang thiết bị phục vụ dạy học. Địa bàn trường phức tạp, đường xá đi lại khó khăn. Đội ngũ giáo viên trình độ nghiệp vụ chưa cao; đa số là giáo viên đào tạo cấp tốc và tuyển thẳng chưa có giáo viên nào đạt giáo viên giỏi cấp cơ sở. Rất khó khăn về tài chính. Tới năm 2000 theo quyết định của UBND huyện Xuân Lộc, điểm trường Bưng Càn đã được thành lập mang tên trường TH Hoàng Văn Thụ, phân hiệu Vườn Xoài được rút về điểm trường chính tới nay trường TH Phù Đồng chỉ còn một điểm trường duy nhất tại ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Trường Tiểu học Phù Đồng là trường công lập do Sở GD&ĐT Đồng Nai quyết

định thành lập; được UBND huyện Xuân Lộc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chỉ thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Bảo Hòa.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

5. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Bùi Thị Kim Phương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Hòa Bình – xã Bảo Hòa – huyện Xuân Lộc – tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0978 460 698

Email: btkimphuong72@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy

Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Phù Đồng được thành lập từ năm 1993 theo Quyết định số 34/QĐ.TC ngày 17 tháng 12 năm 1993 của Sở GD&ĐT Đồng Nai.

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Xuân Lộc Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường Trường TH Phù Đồng nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Bùi Thị Kim Phương	Hiệu trưởng	CTHĐ	
2	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Phó Hiệu trưởng	PCTHĐ	
3	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Trần Thị Mỹ Linh	PCT UBND xã Bảo Hòa	Thành viên	
5	Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban ĐD CMHS	Thành viên	
6	Lê Trọng Thích	PCTUBND	Thành viên	
7	Đào Thị Ngọc Sáng	Tổ trưởng CM	Thành viên	
8	Đỗ Thị Nhân	Tổ trưởng CM	Thành viên	
9	Lê Thị Vân Kiều	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	
10	Lê Thanh Hải	Giáo viên	Thành viên	
11	Phạm Hồng Dương	Giáo viên	Thư ký	

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Xuân Lộc

về việc điều động và bổ nhiệm công chức quản lý, chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Phù Đồng đối với bà Bùi Thị Kim Phương;

Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND huyện Xuân Lộc Về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý trường học đối với bà Nguyễn Thị Hồng Thắm;

Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND huyện Xuân Lộc Về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Phù Đồng đối với bà Nguyễn Thị Hồng Thắm;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Phù Đồng

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Phù Đồng được thành lập từ năm 1993 theo Quyết định số 34/QĐ.TC ngày 17 tháng 12 năm 1993 của Sở GD&ĐT Đồng Nai;

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn huyện Xuân Lộc.

Trường Tiểu học Phù Đồng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ giáo dục công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Xuân Lộc.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục,

văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 30 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 45 đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn: gồm có 06 đoàn viên

+ Tổ chức Đội: có 12 lớp sao nhi đồng và 17 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS gồm 07 thành viên thường trực và 28 chi hội CMHS

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Bùi Thị Kim Phương	Hiệu trưởng	0978460698	btkimphuong72@gmail.com
2	Nguyễn Thị Mỹ Hương	P. Hiệu trưởng	0373093206	k31nguyenhuong147@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hồng	P. Hiệu	0797701884	hongtham18101977@gmail.com

Thăm	trường		
------	--------	--	--

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch số 71/KH-THPĐ ngày 03/10/2024 kế hoạch rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2024-2029 và tầm nhìn đến năm 2034. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 76/QĐ-THPĐ ngày 24/10/2023, Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” Năm học: 2023-2024.

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ĐH	CD	TC	Khác	IV	III	II	T	K	TB
	Tổng số GV, CBQL và NV	46	36	2	5	3	3	10	27	33	7	
I	Giáo viên	37	32	2	3		3	9	25	30	7	

1	GVCN	26	23	2	1		1	7	18	23	3	
2	Ngoại ngữ	3	3					2	1	3		
3	Âm nhạc	0	0						0	0		
4	Mỹ Thuật	1	1						1	1		
5	Tin học	1	1						1	1		
6	Dạy các môn	6	4	0	2		2	0	4	2	4	
II	Cán bộ quản lý	3	3					1	2	3		
1	Hiệu trưởng	1	1						1	1		
2	P. Hiệu trưởng	2	2					1	1	2		
III	Nhân viên	6	1		2	3						
1	Nhân viên Kế toán	1	1									
2	Nhân viên Y tế	1			1							
3	Nhân viên Thư viện	1			1							
4	Nhân viên Bảo vệ	2				2						
5	Nhân viên Phục	1				1						

	vụ											
--	----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá: Tốt

Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 40 (Trong đó Tốt: 32/40 = 80,0 %; Khá 07/40 = 20,0%; TB: 00 /40= 0,0%.

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 39/40 = 97,5%(01 giáo viên được miễn do về hưu trong năm học 2023-2024). Trong đó: BGH:03/03 người, Giáo viên: 36/37 người.

***CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chấtS TT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	30	30		
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1		
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1		
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1	1		
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	2		
1.6	Phòng học đa chức năng	1	1		
1.7	Phòng Bồi dưỡng học sinh năng khiếu	1	1		
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	1	1		
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	1		
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	1		
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	1		
2.5	Phòng truyền thống	1	1		
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1	1		

3.2	Phòng Y tế trường học	1	1		
3.3	Nhà kho	1	1		
3.4	Khu để xe học sinh	1	1		
3.5	Khu vệ sinh học sinh	6	6		
3.6	Khu vệ sinh giáo viên	3	3		
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	3	3		
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0	0		
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	3856	3856		
4.2	Sân thể dục thể thao (khu vui chơi học sinh)	121	121		
4.3	Nhà đa năng	450	450		
5	Tổng diện tích đất (m²)	7958	7958		
6	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4427	4427		
7	Diện tích các phòng (m²)	5114	5114		
7.1	Diện tích phòng học (m ²)	52	52		
7.2	Diện tích phòng Thư viện (m ²)	112	112		
7.3	Diện tích phòng Ngoại ngữ	52	52		
7.4	Diện tích phòng Tin học	52	52		
8	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: Bộ)				
8.1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định	1189 bộ		496 bộ	
8.1.1	Khối lớp 1	1189 bộ	1189 bộ		
8.1.2	Khối lớp 2	225 bộ		225 bộ	
8.1.3	Khối lớp 3	80 bộ		80 bộ	
8.1.4	Khối lớp 4	110 bộ		110 bộ	
8.1.5	Khối lớp 5	81 bộ		81 bộ	
8.2	Tổng số TBDH TT còn thiếu so theo quy định	521 bộ			
8.2.1	Khối lớp 1	0			
8.2.2	Khối lớp 2	140 bộ			
8.2.3	Khối lớp 3	124 bộ			
8.2.4	Khối lớp 4	135 bộ			
8.2.5	Khối lớp 5	122 bộ			
9	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	70 bộ			

10	Tổng số thiết bị dùng chung				
10.1	Ti vi	2			
10.2	Cát sét	0			
10.3	Máy chiếu	0			
10.4	Máy chiếu vật thể	0			
11	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X			
12	Nguồn điện lưới	X			
13	Kết nối Internet	X			
14	Trang Thông tin điện tử(website) của trường	X			
15	Tường rào	X			

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

- Sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Đơn vị liên kết	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm. Tập 2: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
2	Toán 5	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
3	Tin học 5	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
4	Âm nhạc 5	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		

		Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thu, Nguyễn Đình Tình, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nam		
5	Đạo đức 5	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
6	Khoa học 5	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
7	Lịch sử và Địa lý 5	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Trần Văn Nhân, Nguyễn Chí Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
8	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
9	Giáo dục thể chất 5	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
10	Hoạt động trải nghiệm 5	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
11	Công nghệ 5	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiém, Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
12	Tiếng Anh 5 (Family and Friends - National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Phạm Nguyễn Bảo Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		

- Sách giáo khoa lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm. Tập 2: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kình Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 4	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Chí Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Đỗ Thị Ngọc Quỳnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 4	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

11	Hoạt động trải nghiệm 4	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4 (Family and Friends - National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Nguyễn Thị Ly Kha – Trịnh Cam Ly (đồng chủ biên), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền Tập 2: Nguyễn Thị Ly Kha – Trịnh Cam Ly (đồng chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân Hương, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 3	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung	
6	Công nghệ 3	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân	
7	Giáo dục Thể chất 3	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8	Âm nhạc 3	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3 (Family and Friends)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yền.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Lâm Hồng Lâm Thúy, Nguyễn Huyền Trang, Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên) - Đặng Châu Anh (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thư, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yền Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng	Nhà xuất bản Giáo

	động trải nghiệm 2	Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yến Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2 (Family and Friends)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Phạm Vĩnh Lộc, Nguyễn Thị Xuân Yến.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Đinh Phương Duy (Tổng Chủ biên), Trần Thanh Bình (Chủ biên), Trần Minh Hường, Lê Phương Trí, Trần Hoàng Túy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Phạm Phương Anh, Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 1	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng, Lê	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Hải, Nguyễn Đình Phát, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Trần Minh Tuấn.	
6	Âm nhạc 1	Hồ Ngọc Khải (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Vũ Quang Tuyên (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Tâm (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1 (Family and Friends)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

I. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá:

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.
- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục
- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả		
		Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X

Tiêu chí 1.2		X	X	X
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	X
Tiêu chí 1.8		X	X	X
Tiêu chí 1.9		X	X	X
Tiêu chí 1.10		X	X	X
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X

Tiêu chí 2.4		X	X
Tiêu chuẩn 3			
Tiêu chí 3.1		X	X
Tiêu chí 3.2		X	X
Tiêu chí 3.3		X	X
Tiêu chí 3.4		X	X
Tiêu chí 3.5		X	X
Tiêu chí 3.6		X	X
Tiêu chuẩn 4			
Tiêu chí 4.1		X	X
Tiêu chí 4.2		X	X
Tiêu chuẩn 5			
Tiêu chí 5.1		X	X
Tiêu chí 5.2		X	X
Tiêu chí 5.3		X	X
Tiêu chí 5.4		X	X
Tiêu chí 5.5		X	X

Kết quả: Đạt Cấp độ 3.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024 (Kế hoạch số 24/KH-THPĐ ngày 27/06/2023 của trường TH Phù Đồng)

***Đối tượng tuyển sinh:**

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

***Chỉ tiêu tuyển sinh:**

- Số lớp: 06 lớp
- Số HS: 35 học sinh

***Thời gian tuyển sinh:**

* Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp tại văn phòng trường Tiểu học Phù Đồng:

Đợt 1: từ ngày 05/6/2023 đến hết ngày 30/6/2023.

Đợt 2: từ ngày 01/ 07/2023 đến hết ngày 31/07 /2023.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 06 lớp với tổng số học sinh là:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	214	6	110	7	0
2	185	6	85	6	2
3	187	6	92	13	2
4	182	6	98	7	2
5	184	5	98	8	1
Tổng	952	29	483	41	7

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	211	4	2
2	186	6	3
3	186	6	9
4	180	7	8
5	185	9	4
Toàn trường	948	32	26

2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

- Kết quả đánh giá giáo dục của học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

+Có 11 học sinh chưa HTCTLH.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh được trúng tuyển vào các cơ sở nghề nghiệp, trúng tuyển vào đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2022-2023: 215 em (100%), Năm học 2023-2024: 184 em (100%)

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6: 184 em (100%).

III. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch dự thu – chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 13858/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Xuân Lộc Về việc giao chi tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện Xuân Lộc;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

***) Nguồn ngân sách:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	0
a	Học phí	0
b	Thu từ cấp bù học phí	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0
a	Chi lương	0
b	Chi hoạt động	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.128.954.242
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.128.954.242

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.128.954.242
3.1.1	Quỹ tiền lương	6.842.919.822
3.1.2	Chi hoạt động	1.286.034.420
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	292.774.962
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	127.000.000
3.2.2	Trẻ ăn trưa 3,4,5 tuổi	0
3.2.3	Cấp bù miễn giảm học phí	0
3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	0
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	0
3.2.6	Chi phí học tập	5.100.000
3.2.7	Học sinh khuyết tật	8.250.000
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
3.2.9	Chế độ của ND 7.../.../ND-CP	0
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	0
3.2.11	Các chế độ khác	0
3.2.12	Chi khác	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với ngời học thuộc diện đợc hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND	20	13.350.000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	11	6.600.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	9	6.750.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng		0	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024		0	

Học kỳ 2 năm học 2023-2024		0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập		0	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024		0	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024		0	

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2023-2024			
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	680.400 đ	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
3	Tiền phô tô đề kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	Khối 1,2: 15 000đ; Khối 3: 18 000đ Khối 4,5: 22 000đ	Thực hiện theo NQ 05/2021 – HĐND tỉnh Đồng Nai
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	884.520 đ	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
2	Tiền phô tô đề kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	Khối 1,2: 15 000đ; Khối 3: 18 000đ Khối 4,5: 22 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	65.289.951	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	75.300.000	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	DVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	47	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	5.776.370.693	
III	Các khoản giảm trừ			
	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	29	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	7.735.200.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng	40.618.000	
3	Bảo hiểm được trừ	Đồng	498.174.382	
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng		
V	Thu nhập tính thuế	Đồng	38.991.426	

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1	Phô tô đề ktra	81.000.000	45.000.000	36.000.000	1,0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.814.030.000	4.560.828.006	5.126.201.994	1,25

1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.687.030.000	4.560.828.006	5.126.201.994	1,25
	Tiền lương	4.280.372.762	1.845.607.553	2.434.765.209	1,13
	Lương hợp đồng theo chế độ	73.920.600		73.920.600	0
	Phụ cấp lương	2.762.797.050	1.385.639.249	1.377.157.801	1,34
	Các khoản đóng góp	1.322.539.588	561.017.250	761.522.338	1,15
	Tiền thưởng	47.034.000	0	47.034.000	0
	Phúc lợi tập thể	35.279.040	25.749.280	9.529.760	1,45
	Thanh toán dịch vụ công cộng	61.661.960	35.682.065	25.979.895	1,99
	Vật tư văn phòng	175.676.123	166.820.723	8.855.400	3,93
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	20.225.913	10.845.000	9.380.913	3,61
	Công tác phí	46.698.000	15.000.000	31.698.000	0,62
	Chi phí thuê mướn	58.900.000	54.900.000	4.000.000	1,67
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	111.928.236	87.295.036	24.633.200	29
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	63.883.347	50.657.850	13.225.497	1,27
	Chi khác	626.113.381	321.614.000	304.499.381	1,45
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	127.000.000	0	127.000.000	0

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp huyện, cấp tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Phù Đồng.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Kim Phương

